CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NGHỊ ĐỊNH
Về quản lý hóa chất thuộc diện kiểm soát của Công ước cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học

Nghị định số 38/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về quản lý hóa chất thuộc diện kiểm soát của Công ước cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2014, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Nghị định số 77/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực mua bán hàng hóa quốc tế, hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp, phân bón, kinh doanh khí, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2016;

Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Quyết định số 167 HĐ/CTN ngày 24 tháng 8 năm 1998 của Chủ tịch nước về việc phê chuẩn Công ước cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương,

Chính phủ ban hành Nghị định về quản lý hóa chất thuộc diện kiểm soát của Công ước cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học. [1]

---

[1] Nghị định số 77/2016/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực mua bán hàng hóa quốc tế, hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp, phân bón, kinh doanh khí, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Luật hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về các hoạt động sản xuất, kinh doanh, chế biến, tiêu dùng, cất giữ và xuất khẩu, nhập khẩu các hóa chất được Công ước Cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học (sau đây gọi tắt là Công ước Cấm vũ khí hóa học) kiểm soát tại lãnh thổ của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân liên quan đến các hoạt động sản xuất, kinh doanh, chế biến, tiêu dùng, cất giữ và xuất khẩu, nhập khẩu các hóa chất thuộc diện kiểm soát của Công ước Cấm vũ khí hóa học.

Điều 3. Áp dụng pháp luật

1. Các hoạt động liên quan đến hóa chất thuộc diện kiểm soát của Công ước Cấm vũ khí hóa học phải tuân theo quy định của Nghị định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Căn cứ Luật an toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Pháp lệnh quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày 30 tháng 6 năm 2011 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều Pháp lệnh quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày 12 tháng 7 năm 2013;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương,"

Nghị định số 08/2018/NĐ-CP sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Luật hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Luật an toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật phòng, chống tác hại thuốc lá ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật điện lực ngày 03 tháng 12 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật điện lực ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Pháp lệnh quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày 30 tháng 6 năm 2011 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều Pháp lệnh quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày 12 tháng 7 năm 2013;

Căn cứ Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương,"

2. Trường hợp Nghị định này chưa quy định hoặc quy định khác với Công ước Cấm vũ khí hóa học thì thực hiện theo Công ước Cấm vũ khí hóa học.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Hóa chất độc là bất kỳ hóa chất nào thông qua tác động hóa học của nó lên quá trình sống của con người hoặc động vật có thể gây tử vong, tê liệt tạm thời hoặc lâu dài gây ngộ độc cấp tính hoặc mãn tính, gây hủy hoại môi trường, môi sinh. Cụm từ này được áp dụng cho tất cả các loại hóa chất có đặc tính này, không phân biệt nguồn gốc, phương pháp sản xuất và cơ sở sản xuất.

2. Tiền chất là hóa chất được sử dụng trong bất kỳ một công đoạn nào của một quá trình công nghệ khi phản ứng với hóa chất khác có thể tạo thành một hóa chất độc và có vai trò quyết định nhất về mặt độc tính của hóa chất độc đó.

3. Hóa chất Bảng là hóa chất độc và tiền chất bị kiểm soát theo quy định của Công ước Cấm vũ khí hóa học và được phân loại thành hóa chất Bảng 1, hóa chất Bảng 2 (bao gồm cả hóa chất 2A*; 2A và 2B) và hóa chất Bảng 3 theo mức độ độc tính giảm dần.

4. Chất chống bạo loạn là hóa chất không phải hóa chất Bảng nhưng có thể gây ra kích ứng nhanh có hại hoặc làm ảnh hưởng đến khả năng hoạt động nào đó của con người. Các tác động này sẽ hết sau một thời gian ngắn khi con người ngừng tiếp xúc với hóa chất.

5. Hóa chất khác là hóa chất không phải hóa chất Bảng được phân thành hóa chất DOC và hóa chất DOC-PSF, trong đó:

a) Hóa chất DOC là hóa chất hữu cơ riêng biệt, bao gồm tất cả các hợp chất có chứa cacbon, ngoại trừ các ôxit, sunfua của nó và các cacbonat kim loại;

b) Hóa chất DOC-PSF là hóa chất hữu cơ riêng biệt có chứa một trong các nguyên tố như phốt pho, lưu huỳnh hoặc flo.

6. Sản xuất hóa chất là việc tạo ra một hóa chất thông qua phản ứng hóa học.

7. Chế biến hóa chất là việc thực hiện một quá trình lý học như pha chế, chưng cất, chiết xuất, tinh chế hóa chất. Sau quá trình chế biến, hóa chất không bị biến đổi thành hóa chất khác.

8. Tiêu dùng hóa chất là việc chuyển hóa một hóa chất thành một hóa chất khác thông qua một phản ứng hóa học hoặc sự hiện diện của hóa chất này là cần thiết trong quy trình tạo ra một hóa chất khác.

9. Cất giữ hóa chất là việc lưu giữ, bảo quản hóa chất chưa sử dụng hoặc sử dụng chưa hết trong kho chứa, thùng chứa, bồn chứa chuyên dụng tại cơ sở hóa chất.

10. Cơ sở hóa chất là nơi diễn ra một hay nhiều các hoạt động sản xuất kinh doanh, chế biến, tiêu dùng, cất giữ và xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất chịu sự kiểm soát của Công ước Cấm vũ khí hóa học. Cơ sở hóa chất được phân thành cơ sở hóa chất Bảng 1, hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3, cơ sở hóa chất DOC, DOC-PSF, trong đó:

a) Cơ sở hóa chất Bảng 1, hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3 là nơi diễn ra một hay nhiều các hoạt động sản xuất, kinh doanh, chế biến, tiêu dùng, cất giữ và xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1, hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3;

b) Cơ sở hóa chất DOC, DOC-PSF là nơi diễn ra hoạt động sản xuất hóa chất DOC, DOC-PSF.

11. Sản lượng là khối lượng sản phẩm thực tế đã sản xuất, chế biến, tiêu dùng hoặc dự kiến sản xuất, chế biến, tiêu dùng trong năm nào đó của một cơ sở hóa chất đối với một hóa chất cụ thể. Sản lượng có thể bằng hoặc vượt công suất sản xuất, chế biến, tiêu dùng của cơ sở đối với hóa chất đó.

12. Kiểm chứng số liệu là việc Tổ chức Cấm vũ khí hóa học hoặc Cơ quan Quốc gia Việt Nam kiểm tra, xem xét, đối chiếu số liệu đầu tư cơ sở hóa chất, sản xuất, kinh doanh, chế biến, tiêu dùng, môi giới và xuất khẩu, nhập khẩu các hóa chất Bảng của các tổ chức, cá nhân được cấp phép, đã khai báo nhằm mục đích tái xác nhận sự phù hợp của các số liệu đã khai báo hoặc phát hiện các sai sót phải điều chỉnh để bảo đảm sự minh bạch, chính xác và trung thực của việc khai báo.

13. Thanh sát là cuộc kiểm tra tại chỗ do Tổ chức cấm vũ khí hóa học tiến hành tại một cơ sở hóa chất thuộc diện bị thanh sát đã được quốc gia thành viên khai báo với Tổ chức Cấm vũ khí hóa học nhằm xác nhận sự phù hợp của thông tin đã khai báo và chứng nhận việc tuân thủ các quy định của Công ước tại cơ sở hóa chất, trong đó:

a) Thanh sát ban đầu là cuộc thanh sát đầu tiên của Tổ chức Cấm vũ khí hóa học đối với một cơ sở hóa chất bất kỳ thuộc diện bị thanh sát;

b) Thanh sát lại là cuộc thanh sát sau cuộc thanh sát ban đầu đối với một cơ sở hóa chất Bảng hoặc cơ sở DOC, DOC-PSF do Tổ chức Cấm vũ khí hóa học tiến hành để tái kiểm tra sự phù hợp của khai báo mà quốc gia thành viên đã nộp cho Tổ chức Cấm vũ khí hóa học;

c) Thanh sát có hệ thống là cuộc thanh sát sau cuộc thanh sát ban đầu được tiến hành định kỳ tại một cơ sở hóa chất Bảng 1 hoặc cơ sở hóa chất Bảng 2 theo một thỏa thuận riêng về cơ sở đó nhằm mục đích kiểm tra và tái xác nhận sự phù hợp của khai báo mà quốc gia thành viên đã đệ trình với Tổ chức Cấm vũ khí hóa học;

d) Thanh sát đột xuất là cuộc thanh sát đối với một cơ sở hóa chất bất kỳ nằm trên lãnh thổ hoặc bất cứ nơi nào thuộc quyền tài phán của một quốc gia thành viên vào bất kỳ thời điểm nào nhằm mục đích làm sáng tỏ các cáo buộc về việc không tuân thủ Công ước Cấm vũ khí hóa học tại cơ sở hóa chất.

14. Thỏa thuận cơ sở là thỏa thuận được ký kết giữa quốc gia thành viên với Tổ chức Cấm vũ khí hóa học liên quan đến việc thanh sát một cơ sở hóa chất cụ thể thuộc diện bị thanh sát. Thỏa thuận cơ sở được dự thảo trong thời gian diễn ra cuộc thanh sát ban đầu và thường được lập cho các cơ sở hóa chất Bảng 1, hóa chất Bảng 2.

15. Tổ chức Cấm vũ khí hóa học là tổ chức do các quốc gia thành viên Công ước Cấm vũ khí hóa học thành lập nhằm thực hiện các mục đích và mục tiêu của Công ước thông qua việc bảo đảm tuân thủ các điều khoản của Công ước.

16. Quốc gia thành viên Công ước Cấm vũ khí hóa học là quốc gia đã ký và phê chuẩn hoặc gia nhập Công ước Cấm vũ khí hóa học và chính thức trở thành thành viên Công ước sau ngày thứ 30 kể từ ngày nộp lưu chiểu phê chuẩn hoặc thông báo về việc gia nhập Công ước cho Tổng thư ký Liên hợp quốc.

17. Cơ quan Quốc gia Việt Nam về thực hiện Công ước Cấm vũ khí hóa học (sau đây gọi tắt là Cơ quan Quốc gia Việt Nam) là tổ chức liên ngành do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập.

18. Đội hộ tống là nhóm chuyên gia do Cơ quan Quốc gia Việt Nam cử ra để phối hợp làm việc với Đội thanh sát của Tổ chức Cấm vũ khí hóa học trong quá trình Đội thanh sát tiến hành hoạt động thanh sát tại Việt Nam.

19. Bản sao là bản có chứng thực hoặc đóng dấu xác nhận của tổ chức, cá nhân (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện), bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp), bản scan từ bản gốc (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua mạng điện tử).

Điều 5. Hình thức và mục đích hoạt động của cơ sở hóa chất Bảng 1

Cơ sở hóa chất Bảng 1 gồm: Cơ sở quy mô đơn lẻ và Cơ sở khác.

1. Cơ sở quy mô đơn lẻ

Cơ sở quy mô đơn lẻ phục vụ cho mục đích nghiên cứu, y tế, dược phẩm hoặc

bảo vệ. Việc sản xuất tại cơ sở quy mô đơn lẻ được thực hiện trong các thiết bị phản ứng không liên tục. Dung tích của các thiết bị phản ứng không vượt quá 100 lít và tổng dung tích của các thiết bị phản ứng có dung tích trên 5 lít không vượt quá 500 lít.

2. Cơ sở khác gồm

a) Cơ sở sản xuất hóa chất Bảng 1 cho mục đích bảo vệ với tổng sản lượng không vượt quá 10 kg/năm;

b) Cơ sở sản xuất hóa chất Bảng 1 cho mục đích nghiên cứu, y tế hoặc dược phẩm với sản lượng trên 100 gam/năm đối với một hóa chất nhưng tổng sản lượng không vượt quá 10 kg/năm;

c) Phòng thí nghiệm điều chế tổng hợp hóa chất Bảng 1 cho mục đích nghiên cứu, y tế, dược phẩm với tổng sản lượng dưới 100 gam/năm.

Điều 6. Vũ khí hóa học

Vũ khí hóa học bao gồm một, hai hoặc tất cả các loại sau:

1. Các hóa chất độc và tiền chất của chúng, trừ trường hợp được sử dụng cho những mục đích không bị Công ước Cấm vũ khí hóa học cấm với số lượng và chủng loại phù hợp với các mục đích đó.

2. Đạn dược và trang thiết bị được thiết kế đặc biệt để sử dụng các độc tính của các hóa chất độc và tiền chất quy định tại Khoản 1 Điều này nhằm gây tử vong hoặc các tác hại khác.

3. Bất kỳ loại trang thiết bị nào được thiết kế đặc biệt để dùng trực tiếp các loại đạn dược và thiết bị quy định tại Khoản 2 Điều này.

Điều 7. Danh mục hóa chất Bảng

Ban hành kèm theo Nghị định này Danh mục các hóa chất Bảng 1, hóa chất Bảng 2 và hóa chất Bảng 3. Theo yêu cầu quản lý trong từng thời kỳ và để phù hợp với Công ước Cấm vũ khí hóa học, Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực xem xét, trình Chính phủ sửa đổi, bổ sung Danh mục các hóa chất Bảng 1, hóa chất Bảng 2 và hóa chất Bảng 3.

Điều 8. Các hành vi bị cấm và các mục đích không bị cấm theo Công ước Cấm vũ khí hóa học

1. Các hành vi bị cấm

a) Phát triển, sản xuất, sở hữu, tàng trữ và sử dụng vũ khí hóa học; xuất khẩu, nhập khẩu vũ khí hóa học trực tiếp hay gián tiếp với mọi tổ chức, cá nhân; tham

gia vào bất cứ hoạt động chuẩn bị quân sự nào có sử dụng vũ khí hóa học; hỗ trợ, khuyến khích hoặc xúi giục mọi tổ chức, cá nhân dưới bất kỳ hình thức nào hoặc tham gia vào bất kỳ hoạt động nào bị Công ước Cấm vũ khí hóa học cấm; sử dụng chất chống bạo loạn như là phương tiện chiến tranh;

b) Hoạt động sản xuất, chế biến, tiêu dùng, tàng trữ, kinh doanh và xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1, trừ trường hợp được phép của cơ quan có thẩm quyền cho những mục đích đặc biệt như nghiên cứu, y tế, dược phẩm hoặc bảo vệ; xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1 với mọi tổ chức, cá nhân của quốc gia không phải là thành viên Công ước Cấm vũ khí hóa học; tái xuất khẩu hoặc tái nhập khẩu hóa chất Bảng 1 với mọi tổ chức, cá nhân của quốc gia thứ ba;

c) Hoạt động sản xuất, chế biến, tiêu dùng, tàng trữ, kinh doanh và xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, trừ trường hợp được chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho các mục đích không bị Công ước Cấm vũ khí hóa học cấm; xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2 với mọi tổ chức, cá nhân của quốc gia không phải là thành viên Công ước;

d) Hoạt động sản xuất, chế biến, tiêu dùng, tàng trữ, kinh doanh và xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 3, trừ trường hợp được chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho các mục đích không bị Công ước Cấm vũ khí hóa học cấm; xuất khẩu hóa chất Bảng 3 với mọi tổ chức, cá nhân của quốc gia không phải là thành viên Công ước Cấm vũ khí hóa học mà không có giấy chứng nhận sử dụng cuối cùng của cơ quan nhà nước có thẩm quyền của quốc gia này;

đ) Sản xuất hóa chất DOC, DOC-PSF, trừ trường hợp cho các mục đích không bị Công ước Cấm vũ khí hóa học cấm.

2. Các mục đích không bị cấm

a) Phát triển công nghiệp, nông nghiệp, nghiên cứu, y tế, dược phẩm và các mục đích hòa bình khác;

b) Bảo vệ liên quan trực tiếp đến việc phòng, chống hóa chất độc và vũ khí hóa học;

c) Hoạt động quốc phòng, an ninh không gắn với việc sử dụng vũ khí hóa học và không sử dụng độc tính của hóa chất như là phương tiện chiến tranh;

d) Cưỡng chế thi hành luật, kể cả chống bạo loạn trong nước.

Điều 9. Chức năng, nhiệm vụ của Cơ quan Quốc gia Việt Nam

1. Chức năng, nhiệm vụ của Cơ quan Quốc gia Việt Nam

a) Tham mưu, tư vấn cho Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ trong việc thực hiện Công ước Cấm vũ khí hóa học;

b) Đảm bảo sự phối hợp đồng bộ, chặt chẽ và có hiệu quả giữa các Bộ, ngành và cơ quan hữu quan trong việc thực hiện Công ước Cấm vũ khí hóa học;

c) Theo dõi, kiểm tra đảm bảo việc tuân thủ Công ước Cấm vũ khí hóa học;

d) Đầu mối quan hệ công tác giữa Việt Nam với Tổ chức Cấm vũ khí hóa học.

2. Cơ quan thường trực của Cơ quan Quốc gia Việt Nam

Bộ Công Thương là cơ quan đại diện, thường trực thay mặt Cơ quan Quốc gia Việt Nam giải quyết các công việc liên quan đến Công ước Cấm vũ khí hóa học.

Điều 10. Trách nhiệm quản lý nhà nước trong việc thực hiện Công ước Cấm vũ khí hóa học

1. Chính phủ thống nhất quản lý việc thực hiện Công ước Cấm vũ khí hóa học trong phạm vi cả nước.

2. Bộ Công Thương chịu trách nhiệm trước Chính phủ quản lý nhà nước về thực hiện Công ước Cấm vũ khí hóa học. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Bộ Công Thương thực hiện các nội dung sau:

a) Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình Chính phủ ban hành các văn bản quy phạm pháp luật thực hiện Công ước Cấm vũ khí hóa học;

b) Cấp, đình chỉ, thu hồi theo thẩm quyền Giấy phép sản xuất, chế biến, tiêu dùng, tàng trữ, kinh doanh và xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất thuộc diện kiểm soát của Công ước Cấm vũ khí hóa học;

c) Quản lý việc sản xuất, chế biến, tiêu dùng, tàng trữ, kinh doanh và xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất thuộc diện kiểm soát của Công ước Cấm vũ khí hóa học; thực hiện việc thanh tra, kiểm tra các hoạt động này tại các cơ sở hóa chất thuộc phạm vi quản lý của mình;

d) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến Công ước Cấm vũ khí hóa học và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan;

đ) Chủ trì thực hiện hợp tác quốc tế trong khuôn khổ của Công ước Cấm vũ khí hóa học.

3. Trách nhiệm của các Bộ, ngành có liên quan

a) Bộ Tài chính theo định kỳ 06 tháng và hàng năm chịu trách nhiệm thống kê, tổng hợp số liệu nhập khẩu, xuất khẩu hóa chất Bảng chuyển Bộ Công Thương xử lý để thực hiện khai báo quốc gia với Tổ chức Cấm vũ khí hóa học;

b) Bộ Quốc phòng, Bộ Công an thực hiện việc thanh tra, kiểm tra các hoạt động liên quan đến Công ước Cấm vũ khí hóa học trong các đơn vị thuộc lực

lượng vũ trang; phối hợp với Bộ Công Thương trong việc tổ chức thực hiện Công ước Cấm vũ khí hóa học;

c) Bộ Y tế quản lý việc sử dụng hóa chất Bảng 1 tại các cơ sở nghiên cứu y tế hoặc dược phẩm, có trách nhiệm tổng hợp tình hình quản lý sử dụng hóa chất Bảng 1 gửi Bộ Công Thương để thực hiện khai báo quốc gia với Tổ chức Cấm vũ khí hóa học;

d) Bộ Ngoại giao phối hợp với Bộ Công Thương, Bộ Công an trong việc thực hiện các cam kết của Việt Nam về thực hiện Công ước Cấm vũ khí hóa học và hợp tác quốc tế theo quy định của Công ước; có trách nhiệm cấp thị thực nhập cảnh nhiều lần hoặc thẻ tạm trú có thời hạn đến 02 năm cho thanh sát viên và trợ lý thanh sát của Tổ chức Cấm vũ khí hóa học, đồng thời thông báo cho Tổ chức Cấm vũ khí hóa học danh sách các thanh sát viên và trợ lý thanh sát mà Việt Nam đã cấp thị thực.

Điều 11. Thanh tra, kiểm tra

1. Cơ quan Quốc gia Việt Nam có trách nhiệm phối hợp với các Bộ, ngành và các cơ quan có liên quan thực hiện việc thanh tra, kiểm tra các hoạt động liên quan đến hóa chất bị kiểm soát bởi Công ước Cấm vũ khí hóa học.

2. Thanh tra, kiểm tra thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật. Thanh tra, kiểm tra đột xuất dựa trên những căn cứ sau đây:

a) Thông qua công tác quản lý của mình, cơ quan có thẩm quyền phát hiện các thông tin, tài liệu có dấu hiệu vi phạm các quy định của Công ước Cấm vũ khí hóa học, quy định của Nghị định này và quy định của pháp luật có liên quan;

b) Có tin báo, tố giác về các hoạt động vi phạm;

c) Theo yêu cầu của Cơ quan Quốc gia Việt Nam hoặc của Tổ chức Cấm vũ khí hóa học.

Điều 12. Bảo mật thông tin

1. Mọi thành viên của Cơ quan Quốc gia Việt Nam có trách nhiệm bảo vệ các thông tin mật trong khi thi hành nhiệm vụ theo quy định của Công ước Cấm vũ khí hóa học và quy định về bảo vệ bí mật nhà nước.

2. Cơ quan Quốc gia Việt Nam khi trao đổi, cung cấp thông tin, tài liệu, vật mang bí mật nhà nước cho Tổ chức Cấm vũ khí hóa học phải tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước trong quan hệ, tiếp xúc với tổ chức, cá nhân nước ngoài.

3. Thông tin bảo mật của các cơ sở hóa chất chỉ được trao đổi, tiết lộ với những người có trách nhiệm để thực hiện nghĩa vụ Công ước Cấm vũ khí hóa học và trong trường hợp khẩn cấp có liên quan đến an toàn cộng đồng.

Điều 13. Thông báo thay đổi tên hóa chất chống bạo loạn

1. Trường hợp thay đổi hóa chất được sử dụng làm chất chống bạo loạn thì cơ quan nhà nước liên quan đến việc quản lý, sử dụng chất chống bạo loạn phải thông báo với Cơ quan Quốc gia Việt Nam về hóa chất được thay thế, gồm: Tên hóa chất (tên gọi theo IUPAC, tên thương mại hay tên gọi thông thường); công thức hóa học và số CAS. Thông báo này phải gửi đến Cơ quan Quốc gia Việt Nam trước 30 ngày, kể từ ngày hóa chất chính thức được sử dụng làm chất chống bạo loạn.

2. Cơ quan Quốc gia Việt Nam có trách nhiệm thông báo với Tổ chức Cấm vũ khí hóa học các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 14. Thông báo hàng năm về chương trình phòng vệ, đóng góp tự nguyện

Cơ quan Quốc gia Việt Nam có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan nhà nước có liên quan trong việc lập báo cáo hàng năm về chương trình phòng vệ và đóng góp tự nguyện của Việt Nam trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, thông báo với Tổ chức Cấm vũ khí hóa học.

Điều 15. Điều kiện sản xuất hóa chất Bảng 1

1. Tổ chức, cá nhân không được phép sản xuất hóa chất Bảng 1, trừ trường hợp đặc biệt để phục vụ mục đích nghiên cứu khoa học, bảo đảm quốc phòng, an ninh, phòng, chống dịch bệnh thì việc sản xuất hóa chất Bảng 1 phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, trong đó có ngành nghề về hóa chất do cơ quan có thẩm quyền cấp;

b) Có văn bản cam kết sản xuất hóa chất Bảng 1 không vi phạm các nội dung quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 8 Nghị định này;

c)[2] ***(được bãi bỏ)***;

---

[2] Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại Khoản 1 Điều 12 Nghị định số 08/2018/NĐ-CP sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

d)[3] ***(được bãi bỏ)***;

đ)[4] Có hệ thống xử lý khí thải và chất thải hóa chất tuân thủ quy định của pháp luật về môi trường và đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành về khí thải công nghiệp, về ngưỡng chất thải nguy hại, về chất thải rắn;

e) Có phương tiện vận chuyển hóa chất từ cơ sở sản xuất đến nơi giao hàng phù hợp với loại hóa chất mà cơ sở sản xuất. Trường hợp không có phương tiện vận chuyển thì phải có hợp đồng với cơ sở có đủ năng lực thực hiện việc vận chuyển hóa chất;

g) Có đủ các điều kiện về phòng, chống cháy nổ, bảo vệ môi trường, an toàn và vệ sinh lao động theo quy định của pháp luật có liên quan;

h)[5] Giám đốc hoặc Phó Giám đốc kỹ thuật của cơ sở sản xuất hóa chất phải có trình độ từ đại học trở lên về chuyên ngành hóa chất; cán bộ quản lý, kỹ thuật, điều hành hoạt động sản xuất của cơ sở sản xuất hóa chất phải có bằng đại học về chuyên ngành hóa chất hoặc có chứng chỉ chứng minh trình độ chuyên môn về hóa chất;

i)[6] Người lao động trực tiếp tiếp xúc với hóa chất của cơ sở sản xuất phải được đào tạo, huấn luyện về an toàn hóa chất.

2. Tổ chức, cá nhân sản xuất hóa chất Bảng 1 đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều này sẽ được Thủ tướng Chính phủ cho phép.

3. Hồ sơ, thủ tục, thời gian cho phép sản xuất hóa chất Bảng 1 thực hiện theo quy định tại Điều 17 Nghị định này.

---

[3] Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại Khoản 1 Điều 12 Nghị định số 08/2018/NĐ-CP sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

[4] Điểm này sửa đổi, bổ sung theo Điều 9 Nghị định số 77/2016/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực mua bán hàng hóa quốc tế, hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp, phân bón, kinh doanh khí, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2016.

[5] Điểm này sửa đổi, bổ sung theo Điều 9 Nghị định số 77/2016/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực mua bán hàng hóa quốc tế, hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp, phân bón, kinh doanh khí, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2016.

[6] Điểm này sửa đổi, bổ sung theo Điều 9 Nghị định số 77/2016/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực mua bán hàng hóa quốc tế, hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp, phân bón, kinh doanh khí, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2016.

4.[7] ***(được bãi bỏ)***.

Điều 16. Điều kiện sản xuất hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3

1. Tổ chức, cá nhân sản xuất hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3 phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, trong đó có ngành nghề về hóa chất do cơ quan có thẩm quyền cấp;

b) Có văn bản cam kết sản xuất hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3 không vi phạm các nội dung quy định tại Điểm c, d Khoản 1 Điều 8 Nghị định này;

c)[8] ***(được bãi bỏ)***;

d) Đáp ứng yêu cầu về nhân lực quy định tại Điểm h, i Khoản 1 Điều 15 Nghị định này.

2. Tổ chức, cá nhân sản xuất hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3 đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều này sẽ được Bộ Công Thương cấp Giấy phép.

3. Hồ sơ, thủ tục, thời gian cấp phép sản xuất hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3 thực hiện theo quy định tại Điều 17 Nghị định này.

Điều 17. Hồ sơ, thủ tục, thời gian cấp phép sản xuất hóa chất Bảng 1, hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3

1. Hồ sơ

a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất của tổ chức, cá nhân theo mẫu quy định;

b) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

c) Bản cam kết sản xuất hóa chất Bảng 1, hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3 theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 15; Điểm b Khoản 1 Điều 16 Nghị định này;

---

[7] Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 47 Nghị định số 77/2016/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực mua bán hàng hóa quốc tế, hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp, phân bón, kinh doanh khí, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2016.

[8] Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại Khoản 2 Điều 12 Nghị định số 08/2018/NĐ-CP sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

d)[9] Giấy tờ, tài liệu đáp ứng các điều kiện quy định tại Điểm đ, e, g, h, i Khoản 1 Điều 15 Nghị định này.

2. Thủ tục cấp Giấy phép

a) Tổ chức, cá nhân sản xuất hóa chất Bảng 1, hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3 lập 1 (một) bộ hồ sơ gửi Bộ Công Thương qua đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp;

b) Trong thời gian không quá 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Công Thương phải thông báo cho tổ chức, cá nhân về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ và yêu cầu tổ chức, cá nhân hoàn chỉnh hồ sơ một lần duy nhất. Thời gian thông báo và thời gian hoàn chỉnh hồ sơ không được tính vào thời gian cấp Giấy phép sản xuất quy định tại Khoản 3 Điều này.

3. Thời gian cấp Giấy phép

a) Thời gian cấp Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1 không quá 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Bộ Công Thương có trách nhiệm xem xét, thẩm định và trình Thủ tướng Chính phủ cho phép. Trường hợp không cho phép, Thủ tướng Chính phủ ủy quyền Bộ Công Thương có văn bản trả lời và nêu rõ lý do;

b) Thời gian cấp Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3 không quá 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Công Thương có trách nhiệm thẩm định hồ sơ và cấp Giấy phép, Trường hợp không cấp Giấy phép, Bộ Công Thương phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

4. Nội dung của Giấy sản xuất

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của cơ sở sản xuất hóa chất Bảng;

b) Địa điểm sản xuất;

c) Thông tin về hóa chất (Tên hóa chất; mã số CAS; công thức hóa học; hàm lượng, nồng độ);

d) Mục đích sản xuất;

đ) Nghĩa vụ của cơ sở được cấp Giấy phép.

5. Cấp lại, điều chỉnh Giấy phép sản xuất

a) Giấy phép được cấp lại trong trường hợp bị mất, sai sót hoặc hư hỏng;

---

[9] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 08/2018/NĐ-CP sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

b) Giấy phép được điều chỉnh trong trường hợp: Thay đổi về đăng ký kinh doanh, địa điểm, điều kiện hoạt động hoặc thông tin liên quan đến tổ chức, cá nhân đăng ký; thay đổi về công suất sản xuất, về hóa chất sản xuất;

c) Hồ sơ đề nghị cấp lại, điều chỉnh Giấy phép sản xuất, gồm: Đơn đề nghị cấp lại hoặc điều chỉnh Giấy phép sản xuất (nêu rõ lý do) theo mẫu quy định; giấy tờ, tài liệu chứng minh nội dung thay đổi (áp dụng đối với trường hợp điều chỉnh Giấy phép); Giấy phép sản xuất (trừ trường hợp Giấy phép bị mất hoặc bị thất lạc);

d) Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ quy định tại Điểm c Khoản này, cơ quan có thẩm quyền cấp phép có trách nhiệm thẩm định hồ sơ và cấp lại hoặc điều chỉnh Giấy phép sản xuất cho tổ chức, cá nhân đủ điều kiện theo mẫu quy định. Trường hợp không cấp lại, cơ quan có thẩm quyền cấp phép phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

6. Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể mẫu đơn, mẫu Giấy phép, mẫu Giấy phép cấp lại hoặc điều chỉnh, giấy tờ, tài liệu đáp ứng các điều kiện sản xuất hóa chất Bảng 1, hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3 quy định tại Điều này.

Điều 18. Khai báo sản xuất, kinh doanh, chế biến, tiêu dùng, tàng trữ hóa chất Bảng 1, hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3

1. Khai báo sản xuất, kinh doanh, chế biến, tiêu dùng, tàng trữ hóa chất Bảng 1

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, chế biến, tiêu dùng, tàng trữ hóa chất Bảng 1 phải thực hiện khai báo với Bộ Công Thương theo mẫu quy định. Thời gian khai báo cụ thể như sau:

a) Chậm nhất 210 ngày trước khi cơ sở đi vào hoạt động, tổ chức, cá nhân nộp khai báo ban đầu về cơ sở hóa chất Bảng 1;

b) Trước ngày 28 tháng 02 hàng năm, tổ chức, cá nhân nộp khai báo về các hoạt động có trong năm trước tại cơ sở hóa chất Bảng 1;

c) Trước ngày 31 tháng 8 hàng năm, tổ chức, cá nhân nộp khai báo về các hoạt động dự kiến trong năm tiếp theo của cơ sở hóa chất Bảng 1;

d) Chậm nhất 210 ngày trước khi thực hiện việc bổ sung, điều chỉnh hoặc thay đổi hoạt động tại cơ sở hóa chất Bảng 1 hiện có, tổ chức, cá nhân nộp khai báo.

2. Khai báo sản xuất, kinh doanh, chế biến, tiêu dùng, tàng trữ hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, chế biến, tiêu dùng, tàng trữ hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3 phải khai báo với Bộ Công Thương theo mẫu quy định khi cơ sở có sản lượng bằng hoặc vượt ngưỡng sau đây:

a) Sản xuất, chế biến, tiêu dùng, tàng trữ hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3: 01 kg/năm đối với một hóa chất 2A*; 100 kg/năm đối với một hóa chất 2A; 01 tấn/năm đối với một hóa chất 2B; từ 30 tấn/năm trở lên đối với hóa chất Bảng 3;

b) Kinh doanh hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3: Nồng độ từ 1% trở lên đối với hóa chất Bảng 2A* và 2A; nồng độ từ 30% trở lên đối với hóa chất Bảng 2B; nồng độ từ 30% trở lên đối với hóa chất Bảng 3.

3. Thời gian nộp khai báo cho Bộ Công Thương đối với các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, chế biến, tiêu dùng, tàng trữ hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3

a) Chậm nhất 60 ngày đối với hóa chất Bảng 2 và 30 ngày đối với hóa chất Bảng 3 trước khi cơ sở đi vào hoạt động;

b) Trước ngày 28 tháng 02 hàng năm, tổ chức, cá nhân phải nộp khai báo về các hoạt động có trong năm trước;

c) Trước ngày 30 tháng 9 hàng năm, tổ chức, cá nhân phải nộp khai báo về các hoạt động dự kiến trong năm tiếp theo;

d) Chậm nhất 30 ngày trước khi thực hiện việc bổ sung, điều chỉnh hoặc thay đổi hoạt động tại cơ sở hóa chất hiện có, tổ chức, cá nhân phải nộp khai báo bổ sung.

4. Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể mẫu khai báo sản xuất, kinh doanh, chế biến, tiêu dùng, tàng trữ hóa chất Bảng 1, hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3 tại Điều này.

Điều 19. Xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1, hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3

1. Yêu cầu đối với tổ chức, cá nhân xuất khẩu, nhập khẩu

a) Có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, trong đó có ngành nghề về hóa chất do cơ quan có thẩm quyền cấp;

b) Được Thủ tướng Chính phủ cho phép xuất khẩu hoặc nhập khẩu hóa chất Bảng 1;

c) Được Bộ Công Thương cấp Giấy phép xuất khẩu hoặc Giấy phép nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3.

2. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép

a) Công văn đề nghị cấp phép theo mẫu quy định;

b) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, trong đó có ngành nghề về hóa chất do cơ quan có thẩm quyền cấp;

c) Hợp đồng hoặc thỏa thuận mua bán hóa chất Bảng 1, hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3 với các tổ chức là thành viên của Tổ chức Cấm vũ khí hóa học.

3. Thủ tục cấp Giấy phép

a) Tổ chức, cá nhân xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1, hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3 lập 1 (một) bộ hồ sơ gửi Bộ Công Thương qua đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp;

b) Trong thời gian không quá 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Công Thương phải thông báo cho tổ chức, cá nhân về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ và yêu cầu tổ chức, cá nhân hoàn chỉnh hồ sơ một lần duy nhất. Thời gian thông báo và thời gian hoàn chỉnh hồ sơ không được tính vào thời gian cấp Giấy phép xuất khẩu hoặc Giấy phép nhập khẩu quy định tại Điểm a, b Khoản 4 Điều này.

4. Thời gian cấp Giấy phép

a) Thời gian cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1 không quá 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Công Thương có trách nhiệm xem xét và trình Thủ tướng Chính phủ cho phép. Trường hợp không cho phép, Thủ tướng Chính phủ ủy quyền Bộ Công Thương có văn bản trả lời và nêu rõ lý do;

b) Thời gian cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3 không quá 7 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Công Thương có trách nhiệm thẩm định hồ sơ và cấp Giấy phép. Trường hợp không cấp Giấy phép, Bộ Công Thương phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do;

c) Trường hợp xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1, hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3 cho các mục đích chuyên ngành (y tế, dược phẩm, nông nghiệp, bảo vệ), khi cần thiết Bộ Công Thương lấy ý kiến bằng văn bản của Bộ quản lý nhà nước chuyên ngành trước khi cấp phép. Thời gian lấy ý kiến không tính vào thời gian cấp phép quy định tại Điểm a, b Khoản này.

5. Nội dung của Giấy phép

a) Tên, địa chỉ, trụ sở chính của cơ sở hóa chất Bảng;

b) Thông tin về hóa chất (Tên hóa chất; mã số CAS; mã số HS; công thức hóa học; hàm lượng, nồng độ);

c) Khối lượng xuất khẩu, nhập khẩu;

d) Mục đích xuất khẩu, nhập khẩu;

đ) Tên nước xuất khẩu, nhập khẩu;

e) Tên cửa khẩu xuất, cửa khẩu nhập;

g) Thời hạn thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu;

h) Nghĩa vụ của cơ sở được cấp phép.

6. Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1, hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3 chỉ cấp một lần cho một hợp đồng trong thời gian tối đa 12 tháng và không được gia hạn. Giấy phép đã cấp không được chuyển nhượng cho tổ chức, cá nhân khác.

7. Tổ chức, cá nhân đã được cấp Giấy phép nhập khẩu hóa chất Bảng 1, hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3 không phải thực hiện các quy định về cấp Giấy Xác nhận khai báo hóa chất thuộc Danh mục hóa chất phải khai báo theo quy định của Luật Hóa chất và các văn bản hướng dẫn thi hành luật.

8. Tổ chức, cá nhân được phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1, hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3 phải nộp Bộ Công Thương các tài liệu sau để làm thủ tục thông báo với Tổ chức Cấm vũ khí hóa học:

a) Hóa chất Bảng 1: Chậm nhất 45 ngày trước khi thực hiện việc xuất khẩu hoặc nhập khẩu, nộp thông báo về xuất khẩu hoặc nhập khẩu hóa chất Bảng 1; trước ngày 31 tháng 01 hàng năm, nộp khai báo về xuất khẩu, nhập khẩu và phân phối trong nước đối với từng hóa chất Bảng 1 trong năm trước theo mẫu quy định;

b) Hóa chất Bảng 2: Trước ngày 28 tháng 02 hàng năm, nộp khai báo bao gồm cả hỗn hợp chứa hóa chất 2A* và 2A có nồng độ từ 1% trở lên và hóa chất 2B có nồng độ từ 30% trở lên theo mẫu quy định;

c) Hóa chất Bảng 3: Trước ngày 28 tháng 02 hàng năm, nộp khai báo bao gồm cả hỗn hợp chứa hóa chất Bảng 3 có nồng độ từ 30% trở lên theo mẫu quy định.

9. Trường hợp việc xuất khẩu hóa chất Bảng 3 được thực hiện với tổ chức hoặc cá nhân của nước không phải là quốc gia thành viên của Công ước Cấm vũ khí hóa học, phải có giấy chứng nhận sử dụng cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền của

quốc gia này. Giấy chứng nhận sử dụng cuối cùng được đính kèm trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép xuất khẩu.

10. Khi được yêu cầu, tổ chức, cá nhân có hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1, hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3 phải chấp hành việc kiểm chứng số liệu xuất khẩu, nhập khẩu do Tổ chức Cấm vũ khí hóa học hoặc Bộ Công Thương phối hợp cùng Cơ quan quốc gia Việt Nam tiến hành.

11. Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể mẫu công văn đề nghị cấp phép; mẫu Giấy phép xuất nhập khẩu hóa chất Bảng, mẫu thông báo, khai báo hóa chất Bảng 1, hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3 quy định tại Điều này.

Điều 20. Sản xuất hóa chất DOC, DOC-PSF

1. Điều kiện sản xuất hóa chất DOC, DOC-PSF

a) Có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, trong đó có ngành nghề về hóa chất do cơ quan có thẩm quyền cấp;

b) Có văn bản cam kết sản xuất hóa chất DOC, DOC-PSF không vi phạm các nội dung quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 8 Nghị định này;

c) Đáp ứng yêu cầu về cơ sở vật chất - kỹ thuật quy định tại Điểm c, d, đ, e, g Khoản 1 Điều 15 Nghị định này;

d) Đáp ứng yêu cầu về nhân lực quy định tại Điểm h, i Khoản 1 Điều 15 Nghị định này.

2. Tổ chức, cá nhân sản xuất hóa chất DOC, DOC-PSF đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều này được Bộ Công Thương cấp Giấy phép.

3. Hồ sơ, thủ tục, thời gian cấp phép thực hiện như quy định đối với hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3 tại Điều 17 Nghị định này.

Điều 21. Khai báo cơ sở hóa chất DOC, DOC-PSF

1. Tổ chức, cá nhân với sản lượng hóa chất DOC từ 200 tấn/năm trở lên và với sản lượng hóa chất DOC-PSF từ 30 tấn/năm trở lên phải nộp Bộ Công Thương các tài liệu sau:

a) Chậm nhất là 30 ngày trước khi cơ sở đi vào hoạt động nộp khai báo ban đầu về cơ sở hóa chất DOC, DOC-PSF theo mẫu quy định;

b) Trước ngày 28 tháng 01 hàng năm nộp khai báo về các hoạt động có trong năm trước tại cơ sở hóa chất DOC, DOC-PSF theo mẫu quy định;

c) Chậm nhất 30 ngày trước khi thực hiện việc bổ sung, điều chỉnh hoặc thay đổi sản xuất tại cơ sở hóa chất DOC, DOC-PSF hiện có nộp khai báo bổ sung về cơ sở hóa chất DOC, DOC-PSF theo mẫu quy định.

2. Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể mẫu khai báo cơ sở hóa chất DOC, DOC-PSF.

Điều 22. Đối tượng thanh sát

1. Các cơ sở hóa chất Bảng 1 là đối tượng thanh sát ban đầu và thanh sát có hệ thống của Tổ chức Cấm vũ khí hóa học theo một thỏa thuận cơ sở tương ứng.

2. Các cơ sở hóa chất Bảng 2 là đối tượng thanh sát ban đầu và thanh sát có hệ thống của Tổ chức Cấm vũ khí hóa học nếu có sản lượng bằng hoặc vượt ngưỡng sau:

a) 10 kg/năm đối với một hóa chất 2A*;

b) 01 tấn/năm đối với một hóa chất 2A;

c) 10 tấn/năm đối với một hóa chất 2B.

3. Các cơ sở hóa chất Bảng 3 có sản lượng từ 200 tấn/năm trở lên là đối tượng thanh sát ban đầu và thanh sát lại của Tổ chức Cấm vũ khí hóa học.

4. Các cơ sở sản xuất hóa chất DOC, DOC-PSF có sản lượng trên 200 tấn/năm là đối tượng thanh sát ban đầu và thanh sát lại của Tổ chức Cấm vũ khí hóa học.

5. Tổ chức Cấm vũ khí hóa học có thể tiến hành thanh sát đột xuất tại bất kỳ cơ sở hóa chất Bảng 1, hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3 và cơ sở hóa chất DOC, DOC-PSF khi có cáo buộc về việc vi phạm Công ước Cấm vũ khí hóa học.

Điều 23. Trách nhiệm của cơ sở bị thanh sát

1. Chấp hành đầy đủ các quy định về thanh sát của Tổ chức Cấm vũ khí hóa học; tuân thủ hướng dẫn của đội hộ tống trong quá trình tiến hành thanh sát tại cơ sở; hợp tác và tạo điều kiện thuận lợi để Đội Thanh sát của Tổ chức Cấm vũ khí hóa học hoàn thành nhiệm vụ quy định trong lệnh thanh sát.

2. Bố trí phòng làm việc, tủ tài liệu có khóa, điện thoại cố định nối mạng quốc tế, máy fax và máy hủy tài liệu cho Đội Thanh sát.

3. Bố trí cán bộ có thẩm quyền và am hiểu về hoạt động của cơ sở hóa chất Bảng như: Quản lý, kỹ thuật công nghệ, kinh doanh, tài chính, môi trường, an toàn lao động để làm việc với Đội Thanh sát.

4. Chuẩn bị đầy đủ các hồ sơ, tài liệu, sơ đồ, bản vẽ, sổ sách cần thiết để làm việc với Đội thanh sát.

5. Giúp Đội Thanh sát lấy mẫu khi được yêu cầu.

6. Các chi phí sử dụng được Ban Thư ký của Tổ chức Cấm vũ khí hóa học hoàn trả cho cơ sở khi phía cơ sở yêu cầu.

Điều 24. Yêu cầu thanh sát

1. Đối với cơ sở hóa chất Bảng 1

a) Kiểm tra các hoạt động tại cơ sở theo yêu cầu tại phần VI - Phụ lục Kiểm chứng của Công ước Cấm vũ khí hóa học;

b) Kiểm tra việc thực hiện quy định về khai báo hóa chất Bảng 1;

c) Đánh giá khả năng gây rủi ro của các hoạt động hóa chất tại cơ sở.

2. Đối với hóa chất Bảng 2

a) Kiểm tra các hoạt động tại cơ sở theo yêu cầu tại phần VII - Phụ lục Kiểm chứng của Công ước Cấm vũ khí hóa học;

b) Kiểm tra việc thực hiện quy định về khai báo hóa chất Bảng 2;

c) Đánh giá khả năng gây rủi ro của các hoạt động hóa chất tại cơ sở.

3. Đối với hóa chất Bảng 3 và DOC, DOC-PSF

a) Kiểm tra các hoạt động tại cơ sở theo yêu cầu tại phần VIII - Phụ lục Kiểm chứng của Công ước Cấm vũ khí hóa học;

b) Kiểm tra các hóa chất Bảng được sản xuất tại cơ sở theo yêu cầu tại phần IX - Phụ lục Kiểm chứng của Công ước Cấm vũ khí hóa học.

Điều 25. Tiếp đón và làm việc với Đội Thanh sát của Tổ chức Cấm vũ khí hóa học

Cơ quan Quốc gia Việt Nam có trách nhiệm:

1. Tiếp đón và làm việc với Đội Thanh sát của Tổ chức Cấm vũ khí hóa học; thực hiện quyền kiểm tra theo Khoản 29 Mục c Phần II - Phụ lục kiểm chứng của Công ước Cấm vũ khí hóa học để đảm bảo sự phù hợp của số thiết bị do Đội Thanh sát mang vào Việt Nam.

2. Tạo điều kiện để Đội Thanh sát hoàn thành nhiệm vụ theo đúng nội dung tại lệnh thanh sát của Tổ chức Cấm vũ khí hóa học.

3. Phối hợp với cơ sở bị thanh sát thực hiện mọi biện pháp bảo vệ cơ sở, thông tin và số liệu không liên quan đến mục đích và nội dung thanh sát.

4. Đối với các cơ sở hóa chất Bảng 1, hóa chất Bảng 2: Trong thời gian tiến hành cuộc thanh sát ban đầu, Cơ quan Quốc gia Việt Nam cùng đại diện cơ sở tổ

chức đàm phán với Đội Thanh sát để thống nhất nội dung của thỏa thuận cơ sở trong đó quy định các chi tiết cho việc thanh sát có hệ thống tại cơ sở kể từ sau cuộc thanh sát ban đầu.

Điều 26. Thời gian thanh sát

1. Đối với cơ sở hóa chất Bảng 1

a) Thời gian thông báo quyết định thanh sát không dưới 24 giờ trước khi tới địa điểm nhập cảnh;

b) Thời gian tiến hành thanh sát tại cơ sở phụ thuộc vào nguy cơ rủi ro đối với các mục tiêu và mục đích của Công ước.

2. Đối với cơ sở hóa chất Bảng 2

a) Thời gian thông báo quyết định thanh sát không dưới 48 giờ trước khi tới địa điểm bị thanh sát;

b) Thời gian tiến hành thanh sát tại cơ sở là 96 giờ, có thể kéo dài trên cơ sở thỏa thuận riêng cụ thể.

3. Đối với cơ sở hóa chất Bảng 3, hóa chất DOC, DOC-PSF

a) Thời gian thông báo quyết định thanh sát không dưới 120 giờ trước khi tới địa điểm bị thanh sát;

b) Thời gian tiến hành thanh sát tại cơ sở là 24 giờ, có thể kéo dài trên cơ sở thỏa thuận riêng cụ thể.

Điều 27. Quy trình thanh sát

1. Phương pháp tiến hành thanh sát

a) Thanh sát bằng trực quan thiết bị sản xuất, phòng điều khiển, phòng thí nghiệm, kho chứa nguyên liệu và khu vực xử lý chất thải;

b) Kiểm tra hồ sơ, tài liệu;

c) Thảo luận và phỏng vấn;

d) Lấy mẫu và phân tích nếu cần.

2. Trình tự thanh sát

a) Nghe đại diện cơ sở giới thiệu về cơ sở, gồm các nội dung: Hoạt động của cơ sở; sơ đồ mặt bằng của nhà máy, phân xưởng là đối tượng thanh sát; phản ứng hóa học; quy trình công nghệ; cân bằng vật chất, nguyên liệu của sản xuất; xử lý chất thải; các biện pháp bảo vệ môi trường, đảm bảo an toàn lao động và bảo vệ sức khỏe;

b) Thăm các hạng mục nằm trong phạm vi cơ sở;

c) Thống nhất kế hoạch và nội dung thanh sát;

d) Kiểm tra khu vực vận hành sản xuất; kiểm tra các hồ sơ về cung ứng nguyên liệu, sản phẩm và sản xuất; kiểm tra kho hàng, khu vực xử lý chất thải, khu vực lưu giữ các hóa chất không đạt chỉ tiêu kỹ thuật; tham quan phòng thí nghiệm (nếu có); kiểm tra tài liệu.

Kiểm tra tài liệu bao gồm những hạng mục: Tài liệu quy trình công nghệ (sơ đồ tiến trình công nghệ, công suất, sơ đồ công ty, bản đồ nhà máy); nhật ký vận hành nhà máy, hồ sơ các mẻ; hồ sơ kiểm tra chất lượng, kể cả các số liệu phân tích; hồ sơ về kho hàng và vận chuyển (cả bên trong lẫn bên ngoài); các tài liệu về đảm bảo sức khỏe, an toàn và môi trường, gồm Phiếu an toàn hóa chất (MSDS) của các hóa chất, quy trình vận hành chuẩn (SOP), quy định an toàn riêng của cơ sở, quy định về giới hạn tiếp xúc với các hóa chất có trong cơ sở, cảnh báo nguy hại có thể có;

đ) Trong vòng 24 giờ sau khi kết thúc thanh sát, Đội Thanh sát cùng đại diện của cơ sở và Cơ quan Quốc gia Việt Nam xem xét lại kết quả thanh sát ban đầu do Đội Thanh sát đưa ra và làm rõ các nội dung còn nghi ngờ (nếu có). Kết quả ban đầu được thể hiện trong dự thảo Báo cáo sơ bộ về cuộc thanh sát được ký giữa đại diện của cơ sở và Cơ quan Quốc gia Việt Nam với Đội trưởng Đội Thanh sát.

3. Đối với cơ sở hóa chất Bảng 1, hóa chất Bảng 2

a) Trong thời gian tiến hành cuộc thanh sát ban đầu sẽ diễn ra các cuộc đàm phán giữa Đội Thanh sát và Cơ quan Quốc gia Việt Nam thống nhất về nội dung dự thảo thỏa thuận liên quan đến việc thanh sát tại các cơ sở để trình Tổ chức Cấm vũ khí hóa học và Chính phủ Việt Nam ký kết;

b) Việc thanh sát lại cơ sở hóa chất Bảng 1, hóa chất Bảng 2 thực hiện như thanh sát đối với cơ sở hóa chất Bảng 3 và cơ sở hóa chất DOC, DOC-PSF quy định tại Điểm b Khoản 13 Điều 4 Nghị định này.

4. Thanh sát đột xuất

a) Thanh sát đột xuất nhằm làm sáng tỏ cáo buộc của một quốc gia thành viên về việc vi phạm quy định Công ước tại một cơ sở hóa chất thuộc diện kiểm soát của một quốc gia thành viên khác;

b) Thời gian thông báo quyết định thanh sát đột xuất: Không dưới 12 giờ trước khi tới địa điểm nhập cảnh. Thời gian tiến hành thanh sát tại cơ sở không quá 84 giờ, trừ khi được kéo dài theo thỏa thuận với quốc gia bị thanh sát.

Điều 28. Ưu đãi và miễn trừ

1. Trong thời gian thực hiện việc thanh sát tại Việt Nam, thành viên của Đội thanh sát được hưởng quyền ưu đãi và miễn trừ ngoại giao theo quy định của Công ước về các đặc quyền ưu đãi và miễn trừ của Liên hợp quốc năm 1946.

2. Mẫu vật, thiết bị thuộc danh mục thiết bị được hội nghị các quốc gia thành viên Công ước Cấm vũ khí hóa học phê chuẩn do Đội Thanh sát mang vào Việt Nam để thực hiện nhiệm vụ thanh sát thì được miễn khai báo và kiểm tra hải quan; được miễn thuế nhập khẩu, xuất khẩu.

Điều 29. Quy định chuyển tiếp

Trong vòng 01 (một) năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, tổ chức, cá nhân đang sản xuất, kinh doanh, chế biến, tiêu dùng, tàng trữ, xuất khẩu, nhập khẩu các hóa chất Bảng 1, hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3 và sản xuất hóa chất DOC, DOC-PSF nếu chưa đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại Nghị định này phải bổ sung đủ điều kiện. Trường hợp tổ chức, cá nhân không bổ sung đủ điều kiện phải tạm dừng hoạt động cho đến khi đáp ứng đủ điều kiện.

Điều 30. Hiệu lực thi hành[10]

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2014. Nghị định này thay thế Nghị định số 100/2005/NĐ-CP ngày 03 tháng 8 năm 2005 của Chính phủ về thực hiện Công ước cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học.

---

[10] Khoản 1 Điều 47 Nghị định số 77/2016/NĐ-CP CP sửa đổi, bổ sung một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực mua bán hàng hóa quốc tế, hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp, phân bón, kinh doanh khí, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2016 quy định như sau:

"***Điều 47. Hiệu lực thi hành và thực hiện***

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2019."

Khoản 1 Điều 19 Nghị định số 08/2018/NĐ-CP sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018 quy định như sau:

"Điều 19. Hiệu lực thi hành và thực hiện

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành."

Điều 31. Tổ chức thực hiện[11]

1. Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thực hiện các điều khoản được giao trong Nghị định này.

Bộ Tài chính phối hợp với Bộ Công Thương trong việc xây dựng để ban hành theo thẩm quyền hoặc trình các cấp có thẩm quyền ban hành các quy định và hướng dẫn hải quan liên quan đến việc xuất khẩu, nhập khẩu các hóa chất Bảng theo quy định của Công ước Cấm vũ khí hóa học.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

BỘ CÔNG THƯƠNG

Số: 14/VBHN-BCT

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 25 tháng 9 năm 2019

BỘ TRƯỞNG

Trần Tuấn Anh

---

[11] Khoản 1 Điều 47 Nghị định số 77/2016/NĐ-CP CP sửa đổi, bổ sung một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực mua bán hàng hóa quốc tế, hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp, phân bón, kinh doanh khí, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2016 quy định như sau:

"***Điều 47. Hiệu lực thi hành và thực hiện***

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2019."

Khoản 1 Điều 19 Nghị định số 08/2018/NĐ-CP sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018 quy định như sau:

"Điều 19. Hiệu lực thi hành và thực hiện

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành."

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng